

Số: 165 /KH-UBND

Rạch Giá, ngày 17 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn thành phố Rạch Giá

Thực hiện Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 19/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 7 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Tiếp thu, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, Thành ủy, UBND thành phố đã tổ chức triển khai và chỉ đạo các phòng, ban ngành tham mưu ban hành các văn bản thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau: Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 26/1/2022 của UBND tỉnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 về việc ban hành đề án nâng cao công tác giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Rạch Giá; Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 64-KH/TU ngày 09/6/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23-6-2021 của Ban Bí thư Trung ương đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 3/6/2022 của UBND tỉnh Thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP, ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/01/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 02/8/2022 của UBND thành phố thực hiện phong trào thi đua chung tay vì người nghèo không để ai bị bỏ lại phía sau giai đoạn 2021-2025.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Kết quả thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ giai đoạn 2022-2025 (đến tháng 7/2022) :

- Tỷ lệ hộ nghèo là 1,5%, (tương đương 697 hộ) không tăng, giảm so với cuối năm 2021. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc: 1,95%, (tương đương 139 hộ) không tăng, giảm so với cuối năm 2021.

- Tỷ lệ hộ cận nghèo: 0,57%, (tương đương 343 hộ) không tăng, giảm so với cuối năm 2021. Tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc 0,93%. (tương đương 66 hộ) không tăng, giảm so với cuối năm 2021.

Dự kiến kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025): Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,06% (tương đương 642 hộ), tỷ lệ hộ nghèo dân tộc giảm còn 1,87%, (tương đương 133 hộ); tỷ lệ hộ cận nghèo tăng 0,63% (tương đương 382 hộ), tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc tăng 1,01 %, (tương đương 72 hộ)

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO

1. Hỗ trợ vay vốn, giáo dục nghề nghiệp và tạo việc làm

1.1. Hỗ trợ vay vốn

Các đoàn thể nhận ủy thác phối hợp UBND các phường, xã ủy thác cho 3.107 hộ vay, số tiền 68.730.000.000 đồng. Trong đó:

- Hộ nghèo: doanh số cho vay 14.045.000.000 đồng, với 582 hộ vay vốn. Dư nợ 14.045 triệu đồng, 582 hộ còn dư nợ.

- Hộ cận nghèo: doanh số cho vay 7.245.000.000 đồng, với 404 hộ vay vốn. Dư nợ 7.245.000.000 đồng, 404 hộ còn dư nợ.

- Hộ mới thoát nghèo: doanh số cho vay 47.440.000.000 đồng, với 2.121 hộ vay vốn. Dư nợ 47.440.000.000 đồng, với 2.121 hộ còn dư nợ.

1.2. Giáo dục nghề nghiệp:

Phối hợp các cơ sở dạy nghề mở 08 lớp nghề cho lao động nông thôn; đào tạo nghề cho người lao động phục vụ nhu cầu làm việc tại các khu, cụm công nghiệp, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn, với 240 lượt người (trong đó: 10 người thuộc hộ nghèo, 15 người thuộc hộ cận nghèo, 100 người dân tộc thiểu số, 10 người thuộc hộ chính sách người có công với cách mạng, 105 người thuộc diện khác).

Phòng kinh tế chủ trì phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức 15 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, hội thảo nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả tại địa phương cho 450 lượt người; xây dựng 4 mô hình khuyến nông, khuyến ngư (nuôi thỏ sinh sản, nuôi cá lóc dày thương phẩm, mô hình nhân rộng nuôi lươn không bùn trên bề sử dụng thức ăn công nghiệp, mô hình trồng nấm); đăng tải ... tin, bài tuyên truyền các mô hình khuyến nông khuyến ngư trên trang web của UBND thành phố, Trung tâm Khuyến nông; Báo Kiên Giang, đặc san Khuyến nông.

1.3. Tạo việc làm:

- Giải quyết việc làm cho 4.952 lượt người, đạt 99,04% so với kế hoạch, trong đó giải quyết việc làm trong tỉnh 2.696 lượt người, ngoài tỉnh 2.256 lượt người; trong đó giải quyết việc làm mới cho 2.800 lượt người. Ước thực hiện cả năm giải quyết việc làm cho khoảng 5.600 lượt người, đạt 112% kế hoạch.

- Trong 07 tháng đầu năm 2022, ngân hàng chính sách xã hội đã thực hiện giải ngân trên 115 triệu đồng từ nguồn vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm; cho 3.111 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay trên 68,8 tỷ đồng để phát triển kinh tế hộ gia đình.

2. Chăm sóc sức khỏe

Đã cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 42.062 đối tượng (trong đó: 1.741 người nghèo; 901 người thuộc hộ cận nghèo và 39.420 học sinh, sinh viên). Giúp người dân có điều kiện chăm sóc sức khỏe, khám và điều trị bệnh. Với kinh phí là 14.104 triệu đồng.

Ước cả năm 2022: Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 2.680 đối tượng là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, với kinh phí là 14.901 triệu đồng.

Xác nhận 05 trường hợp khó khăn do mắc bệnh hiểm nghèo theo Quyết định 3044/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

3. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

Là địa bàn trung tâm của tỉnh nên khi người dân có nhu cầu trợ giúp pháp lý được hướng dẫn trực tiếp đến Trung tâm trợ giúp pháp lý của tỉnh để được tư vấn; ngoài ra cán bộ, công chức các phường, xã thường xuyên hướng dẫn người dân về quy trình thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đăng ký khai sinh, kết hôn, hộ tịch, hộ khẩu cấp đổi căn cước công dân,...

4. Hỗ trợ về giáo dục

Thực hiện miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo 151 trường hợp. Hỗ trợ chi phí học tập và các khoản chi phí khác 543 (điện thoại thông minh) trường hợp, số tiền 1.783.755.000 đồng

5. Hỗ trợ về nhà ở

Đã hỗ trợ xây mới 27 căn cho hộ nghèo, 07 căn cho hộ cận nghèo với số tiền 1.233.000.000 đồng; sửa chữa 04 căn cho hộ nghèo, 08 căn cho hộ cận nghèo với số tiền 246.000.000 đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Được sự quan tâm chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố; sự phối hợp, hỗ trợ của các ngành chuyên môn cấp tỉnh; các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm trong tham mưu giúp UBND thành phố triển khai, ban hành các văn bản kịp thời, từ đó các chính sách hỗ trợ giảm nghèo được triển khai thực hiện có hiệu quả, giúp nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ xã hội cơ bản theo hướng tiếp cận đa chiều.

Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh diễn biến vẫn còn phức tạp, phần nào ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân cũng như thực hiện các hoạt động giảm nghèo.

B. KẾ HOẠCH NĂM 2023

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Thuận lợi

Thành ủy, HĐND, UBND thành phố rất quan tâm chỉ đạo công tác giảm nghèo, chú trọng huy động các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, nhất là các chính sách giảm nghèo luôn được chủ động thực hiện, người nghèo có điều kiện tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh và thông tin. Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm đạt nghị quyết đề ra.

2. Khó khăn thách thức

Đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, làm ảnh hưởng không ít đến đời sống nhân dân, đặc biệt là người nghèo.

Hầu hết người nghèo có việc làm chưa bền vững; đa phần lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo còn hạn chế về khả năng, cơ hội tiếp cận các thông tin việc làm phù hợp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 0,1%/năm trở lên theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống của người nghèo và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như chính sách phát triển sản xuất; chính sách tín dụng ưu đãi; chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế; việc làm; giáo dục và đào tạo; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Dự án 2: Về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn thành phố. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số,

hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ, hợp tác xã, nhân rộng, phát triển mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế, tăng thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo.

c) Nội dung: Hỗ trợ xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhằm đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm bền vững, có thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

d) Kinh phí thực hiện: hỗ trợ từ ngân sách trung ương và địa phương khi có mô hình, dự án.

2. Dự án 3: Về hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Tiểu dự án 1: Về hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu: Hỗ trợ người nghèo nâng cao năng lực sản xuất nông, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

- Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ phát triển, đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất nông, ngư nghiệp: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng.

+ Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

- Kinh phí thực hiện: hỗ trợ từ ngân sách trung ương và địa phương.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp

- Mục tiêu: Phát triển đồng bộ giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững, tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng tái nghèo, góp phần giảm nghèo đa chiều, bền vững.

- Đối tượng: Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người lao động có thu nhập thấp.

- Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hoạt động:

+ Hoạt động 1: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm.

+ Hoạt động 2: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Kinh phí thực hiện: hỗ trợ từ ngân sách trung ương và địa phương.

3.2. Tiểu dự án 3: Về hỗ trợ tạo việc làm bền vững

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đối tượng: Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo).

- Nội dung hoạt động:

+ Hoạt động 1: Hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động.

+ Hoạt động 2: Hỗ trợ giao dịch việc làm, kết nối cung-cầu lao động.

+ Hoạt động 3: Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư.

+ Hoạt động 4: Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.

+ Hoạt động 5: Hỗ trợ kết nối việc làm.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Kinh phí thực hiện: hỗ trợ từ ngân sách trung ương và địa phương.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

4.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo) có nhu cầu, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông, dịch vụ truy cập internet.

+ Hỗ trợ, tạo điều kiện tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư.

+ Tăng cường cung cấp thông tin về cơ sở; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở nhằm đảm bảo phục vụ tốt công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

- Đối tượng:

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo).

- Nội dung:

+ Nhiệm vụ 1: Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

- + Nhiệm vụ 2: Hỗ trợ hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận thông tin.
- Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách trung ương và địa phương.

4.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để nhân rộng trong xã hội.

- Đối tượng: Người nghèo, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng chuyên mục, phóng sự; vận động xã hội,... về mô hình giảm nghèo, kinh nghiệm, sáng kiến giảm nghèo và gương điển hình vươn lên thoát nghèo.

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân tương ái” của dân tộc ta đối với người nghèo.

+ Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn chăm sóc dinh dưỡng. Xây dựng, cập nhật, cung cấp công cụ, tài liệu truyền thông.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo phấn đấu và có thành tích thoát nghèo bền vững.

+ Duy trì các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo định kỳ ở các phường, xã để tăng cường giải thích về chính sách, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách.

- Kinh phí thực hiện: từ ngân sách trung ương và địa phương hỗ trợ.

5. Dự án 7: Về nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

5.1. Tiểu dự án 1: Về nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương không rơi vào tình trạng nghèo; bảo đảm đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Đối tượng: Đội ngũ cán bộ, công chức hai cấp thuộc các cơ quan, ban ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình.

- Nội dung: Tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng do tỉnh tổ chức (Nội dung do Tỉnh thực hiện).

5.2. Tiểu dự án 2: Về giám sát, đánh giá

- Mục tiêu: Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

- Đối tượng:

- + Các cơ quan chủ trì, tham gia thực hiện chương trình;
- + UBND các phường, xã.

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức các hoạt động giám sát thường xuyên và định kỳ để cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình; tổng hợp, đánh giá thông tin, đề xuất các giải pháp phục vụ việc ra quyết định của cấp ủy, chính quyền nhằm đảm bảo Chương trình thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, đạt chất lượng.

+ Tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ theo kế hoạch nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định phê duyệt Chương trình. Đánh giá Chương trình bao gồm: Đánh giá đầu kỳ, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

+ Tổ chức các hoạt động kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về quản lý Chương trình theo quy định của pháp luật; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về quản lý Chương trình; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

- Kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách trung ương và địa phương hỗ trợ.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, sự điều hành quyết liệt của chính quyền và sự phối hợp của Mặt trận tổ quốc và các ngành đoàn thể; đặc biệt là sự tham gia đồng bộ và tích cực của cả hệ thống chính trị để thực hiện có hiệu quả Chương trình.

2. Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo đúng thành phần, hoạt động hiệu quả.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành và người dân nhằm thay đổi nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo.

4. Tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, đảm bảo có đủ năng lực thực tiễn, nhiệt tình và trách nhiệm để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; tạo điều kiện để người dân tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên; thực hiện tốt báo cáo định kỳ, sơ, tổng kết kết quả thực hiện Chương trình và kịp thời thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố

Chủ trì theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; phối hợp các ngành liên quan giải quyết các công việc liên quan đến mục tiêu, chỉ tiêu, hoạt động chương trình nhằm triển khai đảm bảo Nghị quyết đề ra.

Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; hỗ trợ việc làm bền vững.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố

Thẩm định, tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hàng năm trình UBND thành phố xem xét, quyết định.

Chủ trì tổng hợp, cân đối, bố trí kinh phí thực hiện chương trình theo quy định; phối hợp các ngành liên quan kiểm tra, giám sát chương trình.

3. Phòng Kinh tế thành phố

Trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung về phát triển mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung trên và báo cáo về phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố để tổng hợp chung báo cáo UBND thành phố, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh và phối hợp với các ngành thành viên ban chỉ đạo kiểm tra, giám sát Chương trình.

4. Trung tâm Y tế thành phố

Trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung về cải thiện dinh dưỡng; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung trên và báo cáo về phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố để tổng hợp chung báo cáo UBND thành phố, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh và phối hợp với các ngành thành viên ban chỉ đạo kiểm tra, giám sát Chương trình.

5. Phòng Văn hóa-Thông tin; Trung tâm văn hóa – Thể thao và Truyền thanh thành phố

Trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung về truyền thông và giảm nghèo về thông tin; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung trên và báo cáo về phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố để tổng hợp chung báo cáo UBND thành phố, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh và phối hợp với các ngành thành viên ban chỉ đạo kiểm tra, giám sát Chương trình.

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các phường, xã thực hiện một số nội dung của Chương trình nhằm nâng cao tỷ lệ

trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi, triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về chiều giáo dục và phối hợp với các ngành thành viên ban chỉ đạo kiểm tra, giám sát Chương trình.

7. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận theo chức năng, nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện Chương trình tại các phòng, ban ngành và UBND các phường, xã theo quy định.

8. UBND các phường, xã

Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu theo quy định; triển khai kế hoạch của thành phố, đồng thời xây dựng kế hoạch cụ thể hóa thực hiện hàng năm phù hợp tình hình thực tế địa phương. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai thực hiện Chương trình, kế hoạch hàng năm của đơn vị về phòng Lao động-Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo chung về UBND thành phố.

Trên đây là kế hoạch năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 của thành phố Rạch Giá.

Nơi nhận:

- Sở Lao động-Thương binh và xã hội;
- TT.TU; TT. HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Thành viên Ban Chỉ đạo thành phố;
- UBND các phường, xã;
- Lưu: VT.

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hồng Linh